

GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Huy động kiến thức của HS về các loại văn bản mà HS đã biết ;
- Hình thành sơ bộ các khái niệm : *văn bản, mục đích giao tiếp, phương thức biểu đạt.*

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đây là tiết học mở đầu cho phần văn bản tự sự nên trước hết GV cần lưu ý một số điều khi dạy phần văn bản tự sự trong SGK *Ngữ văn 6, tập một* :

a) Chương trình Tập làm văn trong *Ngữ văn 6* học kì I gồm có 24 tiết, phân bố như sau :

- 2 tiết giới thiệu chung về văn bản và phương thức biểu đạt ;
- 7 tiết làm bài và trả bài (trong đó 2 bài làm (mỗi bài 1 tiết), 1 bài làm ở nhà, 3 tiết trả bài và 2 tiết bài thi học kì) ;
- 2 tiết luyện nói ;
- 2 tiết luyện tập kể chuyện đời thường và kể chuyện tưởng tượng ;

- 2 tiết hoạt động ngữ văn, thi kể chuyện ;
- 2 tiết chương trình địa phương (phần Văn và Tập làm văn) ;
- 8 tiết lí thuyết.

b) Chương trình này rõ ràng có số tiết nhiều hơn chương trình cũ, đặt trọng tâm ở luyện tập, thực hành chú trọng ở hai khâu : kích thích hoạt động tích cực của HS và tích hợp với phần Văn học và Tiếng Việt.

c) Về nội dung làm văn tự sự, khái niệm tự sự bao gồm các kiểu bài tập làm văn trần thuật, tường thuật, kể chuyện trước đây. Khái niệm văn bản tự sự ở đây cũng không bó hẹp trong khái niệm thể loại tự sự của văn học, chỉ gồm tác phẩm tự sự nghệ thuật (như truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện trung đại, kí sự, ...), mà còn bao gồm cả các hình thức tự sự khác như tường trình, kể chuyện lịch sử, tự sự báo chí, ... "Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen chê". Cách hiểu khái quát này cho phép HS có thể vận dụng phương thức tự sự vào rất nhiều các hoạt động giao tiếp khác nhau : trong nghệ thuật, sinh hoạt, báo chí, khoa học, và thủ tục hành chính, v.v...

Tuy nhiên trong SGK, để dễ hiểu, thuật ngữ *tự sự* thường được thay bằng thuật ngữ *kể chuyện*. Tuy gọi là *kể chuyện*, nhưng nhiều bài mang nội dung tường trình, tường thuật, không nên nhầm lẫn các loại với nhau.

Về kiểu bài, SGK chú trọng tới hai kiểu bài cơ bản là *kể chuyện đời thường* và *kể chuyện tưởng tượng*, mặc dù trong bài luyện nói có đề cập tới tường thuật.

Về hình thức văn bản tự sự, SGK cho HS nắm các yếu tố cơ bản của tự sự như sự việc, nhân vật, chủ đề, dàn bài, lời văn, đoạn văn, ngôi kể, ngôi thứ ba, ngôi thứ nhất, thứ tự kể (kể xuôi, kể ngược), các tính chất của sự việc (thời gian, địa điểm, nguyên nhân, diễn biến, kết quả), các yếu tố của nhân vật (tên gọi, lai lịch, chân dung, việc làm). Những nội dung ấy bước đầu giúp HS hiểu được thế nào là phương thức tự sự và có ý thức rèn luyện kĩ năng tự sự.

d) Về phương pháp giảng dạy các khái niệm về văn bản : trong sách này không dạy theo lối đem khái niệm, định nghĩa ra giảng về khái niệm, mà dạy theo lối "chỉ vật gọi tên", cái gì gọi bằng gì, từ phân tích ngữ liệu mà rút ra khái niệm về sự vật đó, huy động vốn kinh nghiệm, liên tưởng của HS để giúp HS hiểu bài. Một nguyên tắc khác là mô phỏng. Ban đầu, HS học tập làm văn đều mô phỏng theo một số mẫu nhất định. Do văn bản tự sự trong phần đọc – hiểu

đều là các văn bản truyện kể dân gian như *truyện thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn*, mà HS thì học làm văn bản kể chuyện đời thường, kể chuyện tưởng tượng, cho nên sách phải đưa thêm văn bản phụ cho gần gũi với bài tập làm văn tự sự của các em.

Phương pháp phát huy tính tích cực của HS ở đây được hiểu là tổ chức cho HS hoạt động để tìm hiểu bài, để thực hành. Các hoạt động đó là đọc, phát hiện đặc điểm, so sánh, lập dàn ý, thay thành phần này bằng thành phần khác, điền chỗ trống, tập nói và tập viết bài, v.v...

Để hoạt động được tốt, GV chú ý giao việc cho HS chuẩn bị ở nhà, tổ chức ở lớp sao cho càng nhiều HS tham gia hoạt động trên lớp càng tốt. Do phương pháp kích thích tính tích cực hoạt động của HS mà SGK biên soạn ngắn gọn, chủ yếu là nêu công việc cho HS làm và luyện tập nói. Mọi khâu cụ thể đều do GV vận dụng SGK mà thực hiện. Đây cũng là một đặc điểm mới quan trọng so với SGK chính lí.

Theo nguyên tắc phát huy tính tích cực của HS, giờ trả bài không giản đơn là giờ công bố điểm và kết quả của bài làm, mà là nêu vấn đề cho HS hoạt động. Vì vậy giờ trả bài đều có những gợi ý về chủ điểm cho GV và HS thực hiện.

d) Về nguyên tắc tích hợp, phần Tập làm văn cố gắng vận dụng các kết quả, ngữ liệu của các văn bản tự sự ở phần Văn học để HS hiểu sâu thêm về kiến thức văn bản. Dạy văn sao cho HS hiểu về văn bản. Phần Văn học cũng có các bài tập kể lại truyện đã học, tóm tắt, tìm bố cục, v.v... rất có ý nghĩa đối với tập làm văn.

Nhưng mặt khác, các kiến thức về văn bản tự sự cũng ảnh hưởng ngược trở lại giúp HS cảm thụ văn tốt hơn. Những cách hiểu về sự việc, nhân vật, lời văn, ngôi kể nhất định sẽ giúp HS có ý thức hơn khi gặp các yếu tố đó trong văn bản văn học.

e) Trong Chương trình Tập làm văn có các bài tập nói và thi kể chuyện. Mục đích chung của các bài tập này là tập cho HS thói quen bạo dạn phát biểu trước công chúng, chủ động phát biểu theo chủ đề được yêu cầu. Có được điều ấy, HS mới có thể nói rõ ràng, rành mạch và nói hay. Từ bài luyện nói tự giới thiệu về mình, về gia đình mình đến luyện nói kể một câu chuyện của mình, cuối cùng thi kể chuyện là những bài tập nâng cao dần của hình thức tự sự. Trong các bài luyện nói, GV đánh giá trước hết thái độ chủ động, tự tin, sau đó là năng lực diễn đạt, nội dung chân thực, có ý nghĩa của HS.

2. Về tiết học *Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt*.

a) Về nội dung, cần đạt hai điểm : HS phải hiểu được khái quát văn bản là gì và văn bản có nhiều loại tùy theo mục đích giao tiếp như trong khung *Ghi nhớ*. Về các loại văn bản, HS chỉ cần biết là có nhiều loại với mục đích giao tiếp, phương thức biểu đạt khác nhau, cần chú ý về sự khác nhau đó. Không yêu cầu HS thuộc đủ các loại, phân biệt được các loại và phương thức biểu đạt đó với nhau, vì chưa được học.

b) Về phương pháp dạy học, chủ yếu vận dụng phương pháp trực quan, gây chú ý, gợi nhớ và thu hút HS tham gia tích cực vào bài học. Ví dụ câu "Ai ơi giữ chí cho bền, Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai" là một đối tượng trực quan để đặt câu hỏi cho HS quan sát, GV phân tích nhằm hình thành khái niệm văn bản. Sau đó mở rộng khái niệm.

GV cần chuẩn bị một số giáo cụ trực quan giản đơn : các lá thiệp mời, công văn, bài báo, hoá đơn tiền điện, biên lai, lời cảm ơn, v.v... để gợi nhớ cho HS và để HS ghi nhận đó là các loại văn bản khác nhau.

c) Tiết mở đầu phân môn Tập làm văn lớp 6 có những khái niệm khó, trừu tượng như : *văn bản, mục đích giao tiếp, kiểu văn bản, phương thức biểu đạt*. Nhưng mục đích của tiết học này không phải là hiểu nội dung lí luận của chúng, mà chỉ là sơ bộ thừa nhận chúng, trên cơ sở đó mà huy động các kiến thức cảm tính đã có của HS về văn bản, mục đích giao tiếp, phương thức biểu đạt, ...

d) Tuy vậy GV cũng cần có một số hiểu biết cơ bản về các khái niệm trên. *Văn bản*, trong ngôn ngữ học, được định nghĩa rất phức tạp. Ở đây ta chỉ chú ý tới những tính chất cơ bản tạo thành văn bản để thực hiện giao tiếp. Đó là chuỗi lời nói (hay viết) có chủ đề, có liên kết, mạch lạc. Văn bản có "chuỗi lời", sẽ tạo thành văn bản dài hay ngắn, có "chủ đề" thống nhất để các bộ phận của văn bản gắn kết với nhau để có "liên kết, mạch lạc", để có bố cục, có mạch, chuyển mạch, v.v... làm cho văn bản là một cơ thể toàn vẹn.

Mục đích giao tiếp là đích giao tiếp. Đó là *mời* trong thiệp mời, *cảm ơn* trong lời cảm ơn, ... Đích của văn bản biểu cảm là gây xúc cảm, đồng cảm... *Kiểu văn bản* ở đây là một khái niệm loại hình trừu tượng, gắn với *phương thức biểu đạt, chức năng giao tiếp*. Khái niệm kiểu văn bản ở đây rộng và khác với khái niệm thể loại văn học. Ví dụ tự sự, ngoài các loại tự sự nghệ thuật (truyện cổ tích, truyện ngắn, v.v...), còn bao gồm cả tường thuật trong báo chí, tường trình. Kiểu văn biểu cảm gồm cả văn, thơ, cả lời chia buồn. Đây là cách chia để rèn luyện các thao tác biểu đạt. Kiểu văn bản và thể loại giao thoa nhau. *Phương thức biểu đạt*

ở đây hiểu là cách thức, như cách kể chuyện, cách biểu cảm, cách thuyết minh, cách thức làm văn bản hành chính – công vụ cho phù hợp với mục đích giao tiếp.

đ) Trong tiết học này, để giải thích khái niệm văn bản, có đưa thêm khái niệm *chủ đề, liên kết, mạch lạc*. Nêu ra các khái niệm này, nhưng GV không dùng khái niệm để giải thích khái niệm mà chỉ cần chỉ ra cái được gọi bằng khái niệm ấy. Đó là tên gọi để chỉ một nội dung mà HS sẽ học dần dần về sau. Ví dụ ở trong SGK, chủ đề được hiểu là điều muốn nói trong văn bản hay là vấn đề chủ yếu, ý chính của người viết trong văn bản.

GV cần chú ý điều này để không sa vào việc dạy khái niệm bằng cách nêu định nghĩa.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài

Đây là tiết học mở đầu cho cả chương trình Tập làm văn THCS, có nhiệm vụ giới thiệu chung về văn bản và các kiểu văn bản với phương thức biểu đạt. Tuy vậy đây không phải là bài lí thuyết hoàn toàn, mà là bài dẫn nhập vào phân môn Tập làm văn. Cho nên yêu cầu là huy động vốn hiểu biết sẵn có của các em để đưa vào hệ thống các kiểu văn bản sẽ học.

Tiết học có hai nội dung và một phần luyện tập.

Mục I.1 nhằm giới thiệu văn bản và mục đích giao tiếp.

Trong thực tế HS đã tiếp xúc và sử dụng các văn bản vào các mục đích khác nhau : đọc báo, đọc truyện, viết thư, viết đơn nhưng có thể chưa gọi chúng là văn bản, và cũng chưa gọi các mục đích cụ thể thành một tên gọi khái quát là giao tiếp. Nhiệm vụ của bài là làm cho HS biết gọi các bài văn, các giấy tờ là văn bản, gọi các mục đích sử dụng văn bản là giao tiếp, biết gọi tập làm văn là làm văn bản, sơ bộ hiểu văn bản là gì và biết có sáu kiểu loại văn bản với phương thức biểu đạt khác nhau.

Phần *Luyện tập* có nhiệm vụ củng cố tiết học và chuẩn bị cho bài sau.

2. Tiến trình tổ chức các hoạt động

Cần chuẩn bị : các loại văn bản khác nhau dùng làm giáo cụ trực quan. Có thể tìm một bản thông báo, bản quảng cáo đã dán nơi công cộng, có thể tìm thiệp mời, giấy mời, hoá đơn. Bài trong SGK cũng là văn bản.

Hoạt động 1. Hoạt động này gồm một chuỗi việc cụ thể như sau : Sau lời mở đầu giới thiệu bài học, viết lên bảng tên bài học, GV có thể nêu ra câu hỏi 1a. Câu này HS có thể trả lời là em sẽ nói hay viết cho người ta biết. Có thể nói một tiếng, một câu hay nhiều câu (Ví dụ : *Tôi thích cái gì cũng phải trật tự, ngăn nắp* ; hoặc : *Tôi thích vui* ; hoặc : *Chao ôi, buồn !..* Câu hỏi 1b nhấn mạnh tới "sự biểu đạt đầy đủ, trọn vẹn" mà muốn vậy thì phải tạo lập *văn bản*, nghĩa là nói có đầu có đuôi, có mạch lạc, lí lẽ. Từ đó mà dẫn đến câu 1c). Lúc này GV có thể yêu cầu HS đọc câu ca dao để tìm hiểu tính chất của văn bản. Có thể cho HS đọc phần *Ghi nhớ* về văn bản để có định hướng, sau đó phân tích sự thể hiện các tính chất của văn bản.

Chú ý câu ca dao trên là một văn bản gồm hai câu, viết để nêu ra một lời khuyên, chủ đề của văn bản là *giữ chí cho bền*. Câu thứ hai nói rõ thêm, *giữ chí cho bền* nghĩa là gì, là "không dao động khi người khác thay đổi chí hướng". *Chí* đây là "chí hướng, hoài bão, lí tưởng". Vẫn là yếu tố liên kết. Mạch lạc là quan hệ giải thích của câu sau đối với câu trước, làm rõ ý cho câu trước.

Hoạt động 2. Mở rộng : hỏi các câu d, đ, e.

Câu d : Lời phát biểu cũng là văn bản, vì là chuỗi lời, có chủ đề – ở đây hiểu là vấn đề chủ yếu, xuyên suốt, tạo thành mạch lạc của văn bản, có các hình thức liên kết với nhau. Chủ đề lời phát biểu của thầy hiệu trưởng thường là nêu thành tích năm qua, nêu nhiệm vụ năm học mới, kêu gọi, cổ vũ GV, HS hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Đây là văn bản nói.

Câu đ : Bức thư là văn bản viết, có thể thức, có chủ đề xuyên suốt là thông báo tình hình và quan tâm tới người nhận thư.

Câu e : Các thiệp mời, đơn xin đều là văn bản, vì chúng có mục đích, yêu cầu thông tin và có thể thức nhất định.

Hoạt động 3. Về mục I.2 : Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản. Ở đây chỉ nêu tên các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt mà chưa cần cho HS hiểu đầy đủ. Yêu cầu HS nêu ví dụ về các kiểu văn bản để kiểm tra xem HS biết được bao nhiêu và sau này sẽ được học tiếp. *Lớp 6* : văn bản tự sự, miêu tả ; *lớp 7* : văn biểu cảm, nghị luận ; *lớp 8* : văn bản thuyết minh, nghị luận ; văn bản hành chính – công vụ học mỗi năm một ít, ...

Trong bảng kê ở có các mục số thứ tự kiểu văn bản và phương thức biểu đạt. GV hướng dẫn cho HS nêu ví dụ về mỗi phương thức biểu đạt :

TT	Kiểu văn bản Phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp	Ví dụ văn bản cụ thể
1	Tự sự	Trình bày diễn biến sự việc	Truyện <i>Tám Cám</i>
2	Miêu tả	Tái hiện trạng thái sự vật, con người	Nêu ví dụ về miêu tả đã học ở lớp 5
3	Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc	
4	Nghị luận	Bàn luận ; Nêu ý kiến đánh giá	Lấy ví dụ tục ngữ : "Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ".
5	Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp	Lấy ví dụ từ những tờ thuyết minh kèm theo đồ dùng, thuyết minh thuốc chữa bệnh hay những đoạn thuyết minh thí nghiệm trong các sách Lí, Hoá, Sinh, v.v...
6	Hành chính – công vụ	Trình bày ý muốn, quyết định, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người	Đơn từ, báo cáo, thông báo, giấy mời, v.v...

Cách sử dụng bảng này cũng cần linh hoạt, không gò bó.

HS biết có sáu kiểu văn bản với tên gọi của chúng, biết ví dụ, biết mỗi kiểu văn bản có phương thức biểu đạt riêng, nhưng không yêu cầu hiểu và thuộc các phương thức đó, vì chưa học. HS cần biết có sáu kiểu văn bản cần học là được, như đã nêu trong phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 4

Tùy thời gian, GV có thể thực hiện bài luyện tập theo lối dựa vào sách nêu câu hỏi và cho HS trả lời.

- Muốn xin phép sử dụng sân vận động thì cần có văn bản gì ?
- Muốn tường thuật diễn biến trận bóng đá thì dùng văn bản gì ?

Bài tập trong SGK nêu một số tình huống giao tiếp để HS xử lí theo các kiểu văn bản nhằm cho thấy chức năng của các kiểu văn bản.

- Hành chính – công vụ ;
- Tường thuật (tự sự) ;
- Miêu tả ;
- Biểu cảm ;
- Nghị luận ;
- Thuyết minh.

IV – LUYỆN TẬP

- GV cho HS đọc, nêu câu hỏi cho HS trả lời rồi GV xác nhận đúng, sai về các kiểu văn bản : tự sự, miêu tả, nghị luận, biểu cảm, thuyết minh. Bài tập này cung cấp tư liệu cho HS hiểu các kiểu văn bản một cách cụ thể, song chưa cần phân tích.

- GV gợi ý để HS nói vì sao mà văn bản *Con Rồng cháu Tiên* được xem là văn bản tự sự. Câu hỏi này sẽ gây chú ý để *Bài 2* học *Tìm hiểu chung về văn tự sự*, đồng thời kích thích sự suy nghĩ cho phù hợp.